

Số: 2413/QĐ-ĐKVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc chỉ định tổ chức chứng nhận sản phẩm**  
**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM**

Căn cứ Luật trật tự an toàn giao thông ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

Căn cứ Thông tư 54/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu; Thông tư 55/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BXD ngày 01 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Xét Hồ sơ đăng ký kèm theo Đơn đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp ngày 01/12/2025 của Công ty cổ phần dịch vụ VCT;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chất lượng xe cơ giới

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định Công ty cổ phần dịch vụ VCT

Địa chỉ: Tầng 9 Toà 3D số 3 đường Duy Tân, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Điện thoại: 0913232155

Email: admin@vct.com.vn

thực hiện việc thử nghiệm xe cơ giới, phụ tùng xe cơ giới phục vụ quản lý nhà nước. Danh mục các sản phẩm thử nghiệm được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở thử nghiệm: **CSTN001**.

**Điều 2.** Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Công ty cổ phần dịch vụ VCT có trách nhiệm thực hiện công tác thử nghiệm xe cơ giới, phụ tùng xe cơ giới phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả thử nghiệm do đơn vị mình thực hiện theo các yêu cầu tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

**Điều 4.** Công ty cổ phần dịch vụ VCT có trách nhiệm thực hiện công tác thử nghiệm dưới sự giám sát thử nghiệm của Cục Đăng kiểm Việt Nam đối với các trường hợp thử nghiệm đầu tiên bao gồm: 20 mẫu thử nghiệm lớp ô tô; 20 mẫu thử nghiệm lớp xe mô tô, xe gắn máy; 05 mẫu thử nghiệm xe ô tô, theo danh mục sản phẩm thử nghiệm được chỉ định (theo phụ lục đính kèm).

**Điều 5.** Công ty cổ phần dịch vụ VCT và các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Công ty cổ phần dịch vụ VCT;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Bộ KH&CN (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Cục trưởng;
- Lưu: VT, VAQ.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Nguyễn Tô An**

**Phụ lục****DANH MỤC SẢN PHẨM THỬ NGHIỆM ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

(Kèm theo Quyết định số 2413/QĐ-ĐKVN ngày 31 tháng 12 năm 2025  
của Cục Đăng kiểm Việt Nam)

1. Xe ô tô con (không bao gồm xe điện), xe ô tô tải (không bao gồm: xe điện và xe có chiều dài cơ sở lớn hơn 4m) theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô; Số hiệu QCVN 09:2024/BGTVT;

2. Lớp hơi dùm cho xe ô tô loại C1, C2 có tải trọng tương ứng trong phạm vi 300÷3000kg, đường kính ngoài từ 500÷1050 mm và chiều rộng không lớn hơn 400 mm. Không áp dụng cho lớp C2 có cấp tốc độ thấp hơn cấp tốc độ “Q” theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lớp hơi dùm cho ô tô; Số hiệu QCVN 34:2024/BGTVT;

3. Lớp hơi dùm cho xe mô tô, xe gắn máy có tải trọng tương ứng trong phạm vi 200÷2000kg, đường kính ngoài từ 500÷1050 mm và chiều rộng không lớn hơn 400 mm. Không áp dụng cho lớp có cấu trúc sợi mảnh chéo, nghiêng hoặc đai chéo với cấp tốc độ cao hơn cấp tốc độ “P” theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lớp hơi dùm cho xe mô tô, xe gắn máy; Số hiệu QCVN 36:2024/BGTVT./.



